TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯỚNG HÓA** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST Ngày 03-7-2019 *V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HOÁ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quốc Hải.

2. Bà Hoàng Thị Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mỹ Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Đợi – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2019/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1990. Nơi ĐKHKTT: thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

* *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989. Nơi ĐKHKTT: thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2019; Bản tự khai đề ngày 20/3/2019; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/5/2019, 28/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc, anh Đ không có trách nhiệm chăm lo cho đời sống gia đình. Vợ chồng không còn chăm lo cho đời sống của nhau. Nhận thấy tình cảm không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 22/9/2007 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 29/12/2009. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn Đ không có mặt theo văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại Biên bản lấy ý kiến của cháu Nguyễn Thị Kim Y và Nguyễn Văn L vào ngày 04/5/2019, cả hai cháu đều xác định nguyện vọng của cháu là yêu cầu được tiếp tục sống cùng chị M.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được tiến hành công khai, công bằng. Bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự. Đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, 51, 203 của BLTTDS năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tại phiên tòa: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 22/9/2007 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 29/12/2009 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí DSST: Buộc chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn *(bản sao)*; Trích lục khai sinh con Nguyễn Thị Kim Y *(bản sao)* và Giấy khai sinh con Nguyễn Văn L *(bản sao)*, Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Thi *(bản sao, chứng thực)*, Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị M *(bản sao, chứng thực)*, Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn Đ *(bản sao)*. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn Đ nhưng anh Đ vắng mặt; đã cấp, tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Thi, sinh năm: 1957. Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị, là bố đẻ, cùng nơi cư trú và ông đã cam kết giao lại tận tay ngay cho anh Đ, anh Đ đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến gì. Nay anh Nguyễn Văn Đ vẫn cố tình không có mặt theo văn bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn Đ.

[2] Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị M, HĐXX thấy: Biên bản xác minh tại UBND xã Tân Thành ngày 08/5/2019 có nội dung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Thấy mâu thuẫn xảy ra đã trầm trọng, chị M và anh Đ không còn sống chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay, không còn chăm lo cho đời sống của nhau cho nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 22/9/2007 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 29/12/2009. Hiện cả hai cháu đang sống cùng với chị M và phát triển bình thường. Cháu Yến và Lợi có văn bản trình bày ý kiến nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Tại Biên bản xác minh tại UBND xã Tân Thành ngày 08/5/2019, anh Đ hiện không có công việc thu nhập ổn định, chị M hiện đang lao động tự do, buôn bán tại địa phương có thu nhập nên cần giao cả hai cháu cho chị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Đối với ý kiến về việc giải quyết của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như phần tranh luận tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 22/9/2007 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 29/12/2009 cho chị Nguyễn Thị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2017/0001503 ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/7/2019). Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q.Trị;
- VKSND tỉnh Q.Trị;
-VKSND huyện H.Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện H.Hóa;
- UBND xã Tân Thành, H.Hóa;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Phương